

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2022

V/v ly hôn giữa chị C và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Châu Loan

Ông Lê Quang Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-12-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 07-01-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2E đường TB, tổ 11, phường HL, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 72 đường 19/5, phường TTX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Chu Quang H, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 105 đường HT, phường QT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 72 đường 19/5, phường TTX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 04-10-2021, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Chu Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL, thành phố ND, tỉnh Nam Định vào ngày 02-01-2018. Trước khi kết hôn, vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu gần nên không hiểu hết về nhau. Sau khi kết hôn, chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Mỗi lần như vậy, anh H thường đập phá đồ đạc trong nhà. Cuối năm 2018, chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng cho nhau cơ hội. Tuy nhiên từ đó đến nay, anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Chu Quang H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Chu Gia H, sinh ngày 10-11-2020. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố ND đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Chu Quang H theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án làm việc. Ngày 21-12-2021, chị Lê Thị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và sớm giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn.

Tại biên thu thập tài liệu chứng cứ ngày 17-11-2021 của Tòa án nhân dân thành phố ND, chính quyền địa phương cung cấp: Quá trình chung sống của chị C và anh H có xảy ra mâu thuẫn nhưng chính quyền địa phương không rõ nguyên nhân. Chị C và anh H có một con chung là Chu Gia H, sinh ngày 10-11-2020. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh H, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị. Nếu hòa giải không có kết quả đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Lê Thị C và anh Chu Quang H. Về con chung: Chị C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Chu Gia H, sinh ngày 10-11-2020. Xét con chung còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), anh H không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm về con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị C, giao cho chị Lê Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Chu Gia H, sinh ngày 10-11-2020. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị C là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Chu Quang H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị Lê Thị C có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Chu Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường HL, thành phố ND, tỉnh Nam Định theo số đăng ký 02 ngày 02-01-2018 nên hôn nhân giữa chị C và anh H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm: Quá trình chung sống, chị C và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Cuối năm 2018 chị C đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố ND, sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng hai bên vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Nay chị C xác định không còn tình cảm với anh H và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh H không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị C và anh H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị C và anh H có 01 con chung là Chu Gia H, sinh ngày 10-11-2020. Nay chị C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng

con chung. Anh H không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm về con chung. Xét thấy, cháu Gia H còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị C giao cho chị Lê Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Chu Gia H, sinh ngày 10-11-2020 theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị C không yêu cầu anh Chu Quang H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị C xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Lê Thị C là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị C và anh Chu Quang H.

2. Về con chung: Giao con chung là Chu Gia H, sinh ngày 10-11-2020 cho chị Lê Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị C không yêu cầu anh Chu Quang H cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Lê Thị C đã nộp tại biên lai số 0004989 ngày 07-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ND. Chị Lê Thị C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị C và anh Chu Quang H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. *Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Lê Thị C và anh Chu Quang H có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố ND;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường HL, thành phố ND, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Thị Kim Phụng